

Bản án số: 131/2020/HS-PT

Ngày: 30-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Ngọc Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Trọng Hân

Ông Phạm Sanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 và 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ, Nguyễn Thanh T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Gi, tỉnh Kiên Giang đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 104/2020/HS-ST ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1965 tại huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: ấp Phước T, xã Mong Th B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Phạm Thị L, anh ruột có 02 người, chồng Hồ Ngọc Đ; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/12/2019 được tại ngoại do gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 20/9/1980 tại huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: số 321, ấp Hòa B, xã Mong Th, huyện Châu Th, tỉnh Kiên

Giang; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc D; anh em ruột có 3 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1989; vợ Võ Thị X; con có 02 người, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/12/2019 được tại ngoại do gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 7 năm 2019, Huỳnh Thị Đ nảy sinh ý định đi đến thành phố Hà T mua thuốc lá điều nhập lậu đem về bán lại kiếm lời nên đã hai lần thuê xe Taxi của hãng xe Nam Th do Nguyễn Thanh T điều khiển đi đến khu du lịch Thạch Đ nắm tình hình về giá thuốc lá và mỗi lần như vậy, Đ mua từ 50 đến 400 bao thuốc lá nhãn hiệu Ram đem về bán lại. Do thấy giá thuốc lá điều nhập lậu ở đây rẻ nên vào khoảng 09 giờ, ngày 22/7/2019, Đ gọi điện thoại thuê T điều khiển xe Taxi biển kiểm soát số: 61A-504.37 chở đến khu du lịch Thạch Đ thuộc thành phố Hà T với giá 1.050.000 đồng (vừa đi, vừa về). Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu du lịch Thạch Đ, T cho Đ xuống xe còn T đậu xe gần đó chờ. Lúc này, Đ đi vào khu vực Thạch Đ gặp một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 3.580 bao thuốc lá điều nhập lậu với tổng số tiền là 24.254.000 đồng (trong đó 1.480 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero với giá 11.300 đồng/01 bao, 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet với giá 13.300 đồng/01 bao, 1.900 bao thuốc lá nhãn hiệu Ram với giá 3.100 đồng/01 bao và 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Messi với giá 3.100 đồng/01 bao). Số thuốc lá này, Đ cất giấu trong 04 bao nylon màu trắng, 02 bịch nylon màu đen, 02 túi xách và nhờ một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) dùng xe mô-tô chở đến chỗ T đậu xe. Khi Đ đem toàn bộ bao thuốc lá này đến xe thì T biết đây là thuốc lá điều nhập lậu nhưng vẫn mở cốp xe và hỗ trợ Đ cất giấu các bao nylon đựng thuốc lá vào cốp xe sau. Ngoài ra, T còn hỗ trợ Đ đem các túi xách và các bao nylon đựng thuốc lá để trên băng ghế trước và cạnh Đ ở băng ghế sau xe. Khi thấy Đ mua thuốc lá với số lượng nhiều nên T nói với Đ phải bồi dưỡng thêm thì Đ đồng ý cho T thêm 350.000 đồng rồi T điều khiển xe chở Đ cùng số thuốc lá trên đi về huyện

Châu Th, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi về đến đoạn đường Võ Văn K, thuộc phường Vĩnh H, thành phố Rạch Gi thì Đ và T bị Công an thành phố Rạch Gi kiểm tra bắt quả tang về hành vi buôn bán, vận chuyển hàng cấm, thu giữ 3.580 bao thuốc lá điều nhập. Đến ngày 31/7/2019, Huỳnh Thị Đ và Nguyễn Thanh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Rạch Giá khởi tố, tạm giam để điều tra.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật:

- 1.480 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet; 1.900 bao thuốc lá nhãn hiệu Ram; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Messi;

- 01 xe ô-tô nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát số 61A-504.37, màu bạc, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô-tô số: 6782952. (Đã trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Hải Hưng Nam Th)

Tại Bản án sơ thẩm số: 104/2020/HSST ngày 09/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang:

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 190, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Đ phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Đ mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/12/2019).

- Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: “Vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm được tính kể từ thời điểm tuyên án sơ thẩm (ngày 09/7/2020). Giao bị cáo Nguyễn Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã Mong Th, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá kháng nghị với nội dung: Bỏ việc áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, tăng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị Đ. Không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, không cho bị cáo T hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về hành vi phạm tội của các bị cáo bị cấp sơ thẩm xét xử về tội “Vận chuyển, buôn bán hàng cấm” theo điểm e khoản 2 Điều 190 và điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật. Về mức hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là đúng quy định. Tuy nhiên việc cấp sơ thẩm áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ là chưa đúng. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo T hưởng án treo là chưa đủ sức răn đe. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, d khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xem xét không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ; không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T, tăng hình phạt đối với bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng tăng lên 05 năm tù, xử 02 năm tù đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của Quyết định kháng nghị:

Xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về nội dung, quyền kháng nghị, thủ tục kháng nghị và thời hạn kháng nghị đã đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết Quyết định kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 22/7/2019, Đ gọi điện thoại thuê T điều khiển xe Taxi biển kiểm soát số: 61A-504.37 chở đến khu du lịch Thạch Đ thuộc thành phố Hà T với giá 1.050.000 đồng để mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lại kiếm lời. Đến nơi Đ đi vào khu vực Thạch Đ gặp một người phụ nữ hỏi mua 3.580 bao thuốc lá điều nhập lậu với tổng số tiền là 24.254.000 đồng. Mua xong Đ nhờ một người đàn ông dùng xe mô-tô chở đến chỗ T đậu xe. Khi Đ đem toàn bộ bao thuốc lá này đến xe thì T biết đây là thuốc lá điều nhập lậu nhưng vẫn mở cốp xe và hỗ trợ Đ cất giấu các bao nylon đựng thuốc lá vào cốp xe sau. Thấy nhiều thuốc lá nên T nói với Đ phải bồi dưỡng thêm thì Đ đồng ý cho T thêm 350.000 đồng rồi T điều khiển xe chở Đ cùng số thuốc lá trên đi về huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi đi về đến đoạn đường Võ Văn K, thuộc phường Vĩnh H, thành phố Rạch Gi thì Đ và T bị Công an thành phố Rạch Giá kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã xử bị cáo Huỳnh Thị Đ về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá:

Kháng nghị cho rằng Bản án sơ thẩm áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ 02 năm 06 tháng tù là không đúng quy định của pháp luật. Lời khai của bị cáo Đ chỉ mang tính chất hỗ trợ giúp cơ quan có trách nhiệm nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án chứ không vì lời khai của bị cáo Đ mà bị cáo T nhận tội. Nên đề nghị không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ, tăng hình phạt đối với bị cáo Đ và không áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/7/2019, bị cáo T thừa nhận khi thấy Đ cùng một người đàn ông lạ mặt xách 4 bao màu trắng và vài bao ni lông màu đen. Mặc dù không hỏi Đ nhưng nhìn hình dáng các bao (hình thể vuông), thì biết bên trong là thuốc lá nhập lậu. T còn giúp Đ để các bao hàng, các bọc ni lông đen vào bên trong chiếc xe Ô tô 61A - 504.37, rồi lên xe chở Đ về. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T có nhiều lời

khai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối với lời khai của bị cáo Đ, không phát hiện tội phạm mới hoặc đồng phạm mới và cũng không phát hiện thêm số lượng thuốc lá điều nhập lậu, ngoài số lượng 3.580 bao thuốc lá bị lập biên bản phạm tội quả tang. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đ để xử dưới khung hình phạt là không có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm, không áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Đào.

Đối với bị cáo T, là tài xế taxi được bị cáo Đ thuê chở đi Hà T, bị cáo không được hưởng lợi từ việc vận chuyển thuốc lá mà chỉ nhận được tiền cước taxi, không có thỏa thuận từ trước, khi đến nơi bị cáo Đ bỏ thuốc lá lên xe thì bị cáo mới biết, lúc này bị cáo đã miễn cưỡng (Vì đã chạy từ Rạch G đến Hà Tiên và đã báo với công ty nên sợ mất tiền thuê xe) vận chuyển thuốc về Rạch Gi thì bị bắt quả tang. Xét thấy vai trò của bị cáo T trong vụ án này là không đáng kể nên việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp quy định của pháp luật. Bị cáo T có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Bị cáo T có khả năng tự giáo dục, tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá đối với bị cáo T.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Đ** mức án 05 (Năm) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 22/7/2019 đến ngày 20/12/2019).

Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 191, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T** mức án **02 (hai) năm tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm được tính kể từ thời điểm tuyên án sơ thẩm (ngày 09/7/2020). Giao bị cáo **Nguyễn Thanh T** cho Ủy ban nhân dân xã Mong Th, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp lệ phí, án phí.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 104/2020/HSST ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND tp Rạch Giá (1);
- THA tp Rạch Giá (1);
- VKSND tp Rạch Giá (1);
- CQCSĐT tp Rạch Giá (1);
- Bị cáo bị kháng nghị (1);
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Hồng